CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HANEL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017

Tháng 08 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hanel (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty TNHH MTV Hanel (do Ông Nguyễn Quốc Bình là Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật) đã chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Hanel (do Ông Nguyễn Quốc Bình là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và là người đại diện theo pháp luật). Cho nên, báo cáo này được đóng dấu của Công ty Cổ phần Hanel.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100102206 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 332 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Hanel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hanel (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/08/2017, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 27/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 - Nợ xấu của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng: Mức trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu dài hạn về cung cấp hàng hóa cho đối tác Groupo De La Electronica (Cộng hòa Cuba) của Công ty là 100% số dư nợ gốc còn phải thu với giá trị là 240.797.038.777 đồng; theo Công văn số 521/BTC-TCDN ngày 15/01/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 376/VP-KT ngày 20/01/2015 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội thì mức trích lập là 30%/tổng giá trị khoản nợ tại thời điểm trích lập; tại thời điểm 27/06/2017, số dư nợ gốc cũng như các khoản lãi theo thỏa thuận đã ký kết chưa được đối tác xác nhận. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng các vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017 của Công ty.

Chúng tôi chỉ thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm 31/05/2017 đối với khoản đặt cọc 86.757.000.000 đồng theo Hợp đồng đặt cọc thuê lại quyền sử dụng đất số 31-05/HĐ-ĐC ngày 31/05/2017 đã ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G và khoản lãi phải thu là 16.163.788.809 đồng; theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng các vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017 của Công ty. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty thì số dư đến thời điểm 27/06/2017 không thay đổi so với thời điểm xác nhận 31/5/2017.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hanel tại ngày 27/06/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016 của các công ty này, riêng đối với khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015; giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính chưa kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017 của các công ty con.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm lập báo cáo tài chính 27/06/2017, Công ty đã trích lập dự phòng 17% quỹ tiền lương thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 với số tiền là 1.043.307.392 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh thực hiện trong kỳ theo quy định tại Thông tư số 219/2015/TT-BTC và Thông tư số 127/2014/TT-BTC. Việc phân phối lợi nhuận trong kỳ của Công ty chưa có quyết định phê duyệt của chủ sở hữu.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017 được lập tại thời điểm Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần, cho nên số liệu tài chính được xử lý theo quy định hiện hành về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã chính thức hoạt động là Công ty Cổ phần Hanel theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100102206 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/06/2017. Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên Hanel là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Hanel. Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017 được đóng dấu của Công ty Cổ phần Hanel.

M.S.D.N: 0102546856 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 27 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**713.248.140.581**	**861.137.047.346**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**117.792.360.456**	**223.374.886.056**
1. Tiền	111		64.097.809.582	182.881.351.865
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.694.550.874	40.493.534.191
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**207.561.426.282**	**198.797.952.210**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		207.561.426.282	198.797.952.210
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**304.738.112.211**	**388.127.697.535**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	172.820.080.225	133.985.290.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.141.973.355	134.102.737.579
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.135.000.000	83.553.750.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	120.641.058.631	36.485.919.149
IV. Hàng tồn kho	**140**	**11**	**46.361.370.872**	**25.393.731.738**
1. Hàng tồn kho	141		46.361.370.872	25.393.731.738
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**36.794.870.760**	**25.442.779.807**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.133.007.903	662.025.481
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.646.138.128	24.698.726.548
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	15.724.729	82.027.778
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.162.374.423.490**	**1.608.252.833.104**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.000.000.000**	**84.862.138.141**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	240.797.038.777	380.919.711.220
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(240.797.038.777)	(297.057.573.079)
II. Tài sản cố định	**220**		**67.603.671.841**	**24.401.363.279**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	67.603.671.841	24.401.363.279
- Nguyên giá	222		168.300.163.585	107.529.556.983
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(100.696.491.744)	(83.128.193.704)
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**964.124.869.117**	**922.423.556.616**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	964.124.869.117	922.423.556.616
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**1.110.020.201.124**	**569.035.164.738**
1. Đầu tư vào công ty con	251		352.261.942.951	270.718.558.500
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		712.757.032.733	524.612.528.135
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		45.001.225.440	47.727.640.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(274.023.561.897)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**19.625.681.408**	**7.530.610.330**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	19.625.681.408	7.530.610.330
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.875.622.564.071**	**2.469.389.880.450**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 27 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**893.702.070.328**	**906.742.130.647**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**713.856.021.474**	**576.584.944.623**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	88.107.763.061	141.928.820.610
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	27.085.565.593	26.585.832.923
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	20.497.225.843	22.439.601.034
4. Phải trả người lao động	314		2.568.766.918	2.634.760.925
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	13.960.651.008	20.608.014.692
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	7.044.850.473	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	219.078.915.529	166.581.574.206
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	328.544.776.915	190.255.376.461
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	1.781.300.875	1.822.823.875
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.186.205.259	3.728.139.897
II. Nợ dài hạn	**330**		**179.846.048.854**	**330.157.186.024**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	40.910.394.025	46.065.769.914
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	124.859.488.396	262.402.840.049
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	13.076.166.433	20.688.576.061
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.981.920.493.743**	**1.562.647.749.803**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**24**	**1.981.920.493.743**	**1.562.639.274.472**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.426.798.081.918
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	6.704.530.870
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.920.493.743	129.136.661.684
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		55.920.493.743	107.897.659.864
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	21.239.001.820
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**8.475.331**
1. Nguồn kinh phí	431		-	8.475.331
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.875.622.564.071**	**2.469.389.880.450**

Trần Thu Loan	Lữ Thị Khánh Trân	Nguyễn Quốc Bình
Người lập biểu	**Phó Phòng Kế toán - Tài vụ**	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**26**	**210.192.620.995**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	67.874.791
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**210.124.746.204**
4. Giá vốn hàng bán	11	27	193.326.061.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**16.798.684.714**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	170.060.479.999
7. Chi phí tài chính	22	29	83.597.623.238
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*45.925.807.076*
8. Chi phí bán hàng	25	30	547.687.609
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	(38.026.949.655)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**140.740.803.521**
11. Thu nhập khác	31	31	41.010.946.253
12. Chi phí khác	32	32	38.900.228.563
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**2.110.717.690**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**142.851.521.211**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	20.578.951.640
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(7.612.409.628)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**129.884.979.199**

Trần Thu Loan	Lữ Thị Khánh Trân	Nguyễn Quốc Bình
Người lập biểu	**Phó Phòng Kế toán - Tài vụ**	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
M.S.D.N: 0100102206 - C.T.C.P - Q. ĐỐNG ĐA - T. HÀ NỘI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***142.851.521.211***
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.590.807.104
- Các khoản dự phòng	03	(56.260.534.302)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	159.375.856
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(132.903.226.262)
- Chi phí lãi vay	06	45.925.807.076
- Các khoản điều chỉnh khác	07	236.117.507
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***1.599.868.190***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	209.326.194.697
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.967.639.134)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(147.689.756.137)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	371.675.130
- Tiền lãi vay đã trả	14	(49.859.773.648)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.049.985.005)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	86.515.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(304.102.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(18.487.002.907)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.464.004.153)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	40.911.249.042
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(166.243.271.293)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	157.479.797.221
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(123.425.144.017)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	97.493.467.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(14.247.905.757)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ đi vay	33	186.758.689.498
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(259.606.156.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(72.847.467.335)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(105.582.375.999)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**223.374.886.056**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(149.601)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**117.792.360.456**

M.S.D.N: 0100102206 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL - Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Trần Thu Loan	Lữ Thị Khánh Trân	Nguyễn Quốc Bình
Người lập biểu	**Phó Phòng Kế toán - Tài vụ**	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Hanel là doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 8733/QĐ-TCCQ ngày 17 tháng 12 năm 1984 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26/10/2010 và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 28/07/2016. Vốn điều lệ theo đăng ký là 1.136.600.000.000 đồng.

Công ty chính thức hoạt động là Công ty Cổ phần Hanel theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số 0100102206 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 27/06/2017. Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc "điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Hanel". Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel được điều chỉnh theo kết quả bán cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa như sau:

- Vốn điều lệ là 1.926.000.000.000 đồng, cổ phần phát hành lần đầu là 192.600.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng;
- Cổ phần nhà nước là 188.614.400 cổ phần, tương đương 1.886.144.000.000 đồng, chiếm 97,93% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán cho người lao động là 91.200 cổ phần, tương đương 912.000.000 đồng, chiếm 0,05% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài là 3.894.400 cổ phần, tương đương 38.944.000.000 đồng, chiếm 2,02% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác; bất động sản; hạ tầng khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP HANEL Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Quản lý Khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,22%	66,22%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại	Hà Nội	66,00%	66,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất điện tử công nghệ cao Hanel	Hà Nội	68,00%	68,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP công nghệ thẻ NACENCOMM	Hà Nội	25,28%	25,28%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Biển Bạc	Hà Nội	20,00%	20,00%	Thương mại, dịch vụ, du lịch
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	Hà Nội	20,00%	20,00%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty CP Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	41,49%	41,49%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Deaha	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty TNHH HANEL - CSF	Hà Nội	25,00%	25,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	Hà Nội	21,10%	21,10%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Truyền dẫn, phát sóng truyền hình đồng bằng Sông Hồng	Hà Nội	37,50%	37,50%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty CP Vé giao thông công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty TNHH hệ thống dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	50,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	50,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	50,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội
Công ty TNHH Công nghệ Hanel DTT	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017 phục vụ việc chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017, do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh tương ứng của kỳ trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Áp dụng quy định mới từ ngày 01/01/2017

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới") đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số tài khoản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017 là báo cáo được lập trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần, nên Công ty chưa áp dụng theo quy định trên.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung bằng phần mềm trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Công ty;
- Công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Theo Công văn số 521/BTC-TCDN ngày 15/01/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 376/VP-KT ngày 20/01/2015 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba, theo đó Công ty được trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu dài hạn Cuba với mức trích lập là 30%/tổng giá trị khoản nợ tại thời điểm trích lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính
	(năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 28
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn điều lệ và vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty. Phân phối lợi nhuận theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31/12/2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31/12/2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.613.205.000	1.319.475.740
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.484.604.582	181.561.876.125
Tương đương tiền (i)	53.694.550.874	40.493.534.191
Cộng	**117.792.360.456**	**223.374.886.056**

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi từ 03 tháng trở xuống tại các tổ chức tín dụng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	***207.561.426.282***	***207.561.426.282***	***198.797.952.210***	***198.797.952.210***
- Tiền gửi có kỳ hạn	112.561.426.282	112.561.426.282	148.166.007.766	148.166.007.766
- Chứng chỉ tiền gửi	95.000.000.000	95.000.000.000	50.631.944.444	50.631.944.444

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty con	***270.718.558.500***	***-***	***352.261.942.951***	***270.718.558.500***	***15.271.855.067***	***255.446.703.433***
Công ty CP HANEL Xốp nhựa	33.087.436.000	-	59.360.339.761	33.087.436.000	-	33.087.436.000
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	510.000.000	-	582.759.945	510.000.000	31.479.188	478.520.812
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	510.000.000	-	107.144.291	510.000.000	148.311.057	361.688.943
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	5.100.000.000	-	5.714.681.600	5.100.000.000	-	5.100.000.000
Công ty CP Dịch vụ điện tử Hanel	510.000.000	-	615.242.136	510.000.000	-	510.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	15.300.000.000	-	18.881.815.199	15.300.000.000	-	15.300.000.000
Công ty CP Sản xuất điện tử công nghệ cao Hanel	22.950.000.000	-	27.211.975.039	22.950.000.000	-	22.950.000.000
Công ty CP Truyền thông Hanel	15.300.000.000	-	15.559.722.810	15.300.000.000	12.368.417.539	2.931.582.461
Công ty CP Giải pháp phần mềm Hanel	11.220.000.000	-	6.863.221.286	11.220.000.000	2.723.647.283	8.496.352.717
Công ty TNHH Dehaco	46.231.122.500	-	97.365.040.884	46.231.122.500	-	46.231.122.500
Công ty TNHH ICD Hà Nội	120.000.000.000	-	120.000.000.000	120.000.000.000	-	120.000.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	***662.612.528.135***	***-***	***712.757.032.733***	***524.612.528.135***	***240.749.491.214***	***283.863.036.921***
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	216.000.000.000	-	216.460.432.601	81.000.000.000	-	81.000.000.000
Công ty CP công nghệ thẻ NACENCOMM	5.400.000.000	-	3.626.660.221	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Công ty CP Biển Bạc	5.000.000.000	-	5.208.999.623	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	2.400.000.000	-	1.847.955.809	2.400.000.000	-	2.400.000.000
Công ty CP Hanel Telecom	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000	-
Công ty CP Hanel Mobile	1.000.010.000	-	-	1.000.010.000	1.000.010.000	-
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	800.000.000	-	11.139.488.720	800.000.000	-	800.000.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000	-
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	900.000.000	-	574.673.406	900.000.000	239.757.114	660.242.886
Công ty CP Deaha	151.861.443.000	-	343.526.073.021	151.861.443.000	-	151.861.443.000
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT	333.200.000	-	344.644.154	333.200.000	4.756.883	328.443.117
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	4.870.000.000	-	-	4.870.000.000	4.870.000.000	-
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	543.645.600	-	458.689.409	543.645.600	-	543.645.600
Công ty CP Truyền dẫn, phát sóng truyền hình đồng bằng Sông Hồng	9.000.000.000	-	7.007.392.908	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty CP Vé giao thông công cộng Hà Nội	500.000.000	-	517.776.481	500.000.000	-	500.000.000
Công ty TNHH hệ thống dây SUMI-HANEL	23.623.899.960	-	104.787.279.794	23.623.899.960	-	23.623.899.960
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	232.234.967.217	-	-	232.234.967.217	232.234.967.217	-
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	5.745.362.358	-	16.656.966.586	5.745.362.358	-	5.745.362.358

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	***50.727.640.000***	***-***	***45.001.225.440***	***47.727.640.000***	***18.002.215.616***	***29.725.424.384***
Công ty CP Đô thị Sinh thái Vân Nội	21.000.000.000	-	21.006.080.834	21.000.000.000	2.215.616	20.997.784.384
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	18.000.000.000	-	3.425.144.017	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	6.887.640.000	-	14.462.049.600	6.887.640.000	-	6.887.640.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển N&G	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad	1.200.000.000	-	1.997.591.207	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	130.000.000	-	306.194.126	130.000.000	-	130.000.000
Công ty CP Tự động hóa và Cơ khí Điện tử Hanel	510.000.000	-	804.165.656	510.000.000	-	510.000.000
Cộng	**984.058.726.635**	**-**	**1.110.020.201.124**	**843.058.726.635**	**274.023.561.897**	**569.035.164.738**

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con/ công ty liên doanh/ công ty liên kết trong kỳ:

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017, các công ty hoạt động có lãi, ngoại trừ:

- Công ty TNHH Đèn hình - Orion Hanel đang duy trì hoạt động, đã làm thủ tục phá sản nhưng tòa án đã ra quyết định đình chỉ thụ lý hồ sơ phá sản;
- Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm Hanel, Công ty TNHH ICD Hà Nội: bị lỗ;
- Trong việc xác định giá trị các khoản đầu tư tại ngày 27/06/2017, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính đã kiểm toán của các công ty liên doanh, liên kết và báo cáo tài chính của các doanh nghiệp thuộc nhóm đầu tư dài hạn khác.

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: doanh nghiệp phải xác định lại giá trị các khoản đầu tư tài chính. Cho nên số liệu trình bày trong cột giá trị hợp lý ở trên được Công ty xác định dựa trên tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty trên vốn điều lệ hoặc tổng số vốn thực góp tại các doanh nghiệp khác nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp khác theo báo cáo tài chính tại ngày 27/06/2017 chưa được kiểm toán (đối với công ty con) hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2016 (đối với các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác). Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (Telecom) được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 của Telecom - báo cáo gần nhất mà Hanel thu thập được.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	***172.820.080.225***	***133.985.290.807***
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	76.442.272.476	92.881.352.745
Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an	55.604.710.000	-
Công ty TNHH Điện tử Hoàn Kiếm	10.000.000.000	20.000.000.000
TRD CARIBE CHAIN OF STORES	9.883.183.615	9.086.792.659
Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion	8.046.212.431	-
Công ty TNH Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
MMD Singapore PTE., LTD	3.474.228.280	-
Các đối tượng khác	2.516.153.498	5.163.825.478
b) Phải thu khách hàng dài hạn	***240.797.038.777***	***380.919.711.220***
Xuất khẩu máy tính CuBa năm 2007	221.882.904.630	361.993.081.498
Xuất khẩu máy tính sang Cuba năm 2006	18.914.134.147	18.926.629.722
c) Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan	***84.007.914.064***	***100.656.504.587***
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	76.442.272.476	92.881.352.745
Công ty CP Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	292.759.437	441.460.675
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát	148.075.000	-
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	106.401.343	106.401.343
Các đối tượng liên quan khác	165.085.883	373.969.899

Phải thu khách hàng dài hạn: Đây là số dư nợ gốc phải thu, không bao gồm các khoản lãi chậm thanh toán phải thu theo hợp đồng và thỏa thuận đã được ký kết với Groupo De La Electronica của Cộng hòa Cuba, theo lịch trả nợ thì khoản nợ sẽ được Groupo De La Electronica thanh toán đến hết 31 tháng 12 năm 2019.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	***8.141.973.355***	***134.102.737.579***
Công ty CP Phát triển công trình Viễn thông	6.169.272.184	6.169.272.184
Ông Nguyễn Hoàng	-	3.000.000.000
Công ty CP đầu tư và Phát triển xây dựng Thăng Long	-	114.567.534.354
Công ty Cổ phần Biển Bạc	-	8.100.000.000
Các đối tượng khác	1.972.701.171	2.265.931.041
b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan	***298.040.041***	***8.398.040.041***
Công ty Cổ phần Biển Bạc	-	8.100.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041

8. PHẢI THU CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu cho vay ngắn hạn	***3.135.000.000***	***83.553.750.000***
Công ty CP Đầu tư - Phát triển N&G	-	80.418.750.000
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF (i)	3.135.000.000	3.135.000.000
b) Trong đó phải thu cho vay là các bên liên quan	***3.135.000.000***	***3.135.000.000***
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF (i)	3.135.000.000	3.135.000.000

Ghi chú: (i) Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF đã quá hạn từ lâu.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	***120.641.058.631***	-	***36.485.919.149***	-
Tạm ứng	698.212.496	-	2.714.495.643	-
Phải thu về cổ phần hoá	1.065.740.157	-	1.065.740.157	-
Ký cược, ký quỹ (i)	86.798.981.299	-	104.552.096	-
Phải thu khác	32.078.124.679	-	32.601.131.253	-
- CTCP Đầu tư - Phát triển N&G (ii)	*16.163.788.809*	-	*22.070.611.546*	-
- Công ty CP Truyền thông Hanel	*3.645.917.038*	-	*4.005.196.618*	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ DTT	*3.990.000.000*	-	*3.990.000.000*	-
- Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	-	-	*1.162.777.778*	-
- Lãi phải thu - Cuba	*7.251.170.064*	-	-	-
- Các đối tượng khác	*1.027.248.768*	-	*1.372.545.311*	-
b) Dài hạn	***1.000.000.000***	-	***1.000.000.000***	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
c) Trong đó phải thu khác là các bên liên quan	***4.229.500.491***	-	***4.687.222.200***	-
Công ty CP Truyền thông Hanel	3.645.917.038	-	4.005.196.618	-
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	390.450.000	-	390.450.000	-
Công ty Cổ phần Hanel Telecom	161.568.700	-	159.568.700	-
Công ty TNHH đèn hình Orion-Hanel	31.564.753	-	132.006.882	-

Ghi chú:

(i) Bao gồm 86.757.000.000 đồng là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc thuê lại quyền sử dụng đất số 31-05/HĐ-ĐC ngày 31/05/2017 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G. Theo đó, Hanel sẽ thuê lại của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G quyền sử dụng 30.000 m2 đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại lô đất CN02, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Tổng số tiền thuê đất (đã bao gồm thuế GTGT) là 86.757.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017, hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất chưa ký kết giữa hai bên.

(ii) Tiền lãi phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G.

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	***10.413.227.800***	***-***	***10.413.227.800***	***10.413.227.800***	***-***	***10.413.227.800***
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.169.457.875	-	3.169.457.875	3.169.457.875	-	3.169.457.875
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	7.243.769.925	-	7.243.769.925	7.243.769.925	-	7.243.769.925
b) Dài hạn (i)	***240.797.038.777***	***240.797.038.777***	***-***	***380.919.711.220***	***297.057.573.079***	***83.862.138.141***
Xuất khẩu máy tính CuBa năm 2007	221.882.904.630	221.882.904.630	-	361.993.081.498	283.818.129.597	78.174.951.901
Xuất khẩu máy tính sang Cuba năm 2006	18.914.134.147	18.914.134.147	-	18.926.629.722	13.239.443.482	5.687.186.240

Ghi chú:

(i) Căn cứ Công văn số 521/BTC-TCDN ngày 15/01/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 376/VP-KT ngày 20/01/2015 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc "trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba", Công ty được trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%/tổng giá trị khoản phải thu tại thời điểm trích lập. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2014 là 297.057.573.079 đồng (tương ứng giá trị nợ gốc tại thời điểm trích lập này là 990.191.910.264 đồng). Tại thời điểm 27/06/2017, dư nợ gốc giảm còn 240.797.038.777 đồng, thấp hơn mức dự phòng đã trích lập; Ban Tổng Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng trên cơ sở thực tế tình hình thanh toán trong quá khứ cũng như khả năng thanh toán tiếp theo trong thời gian tới của đối tác còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khó thu hồi đủ hoặc chậm thanh toán, nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định chỉ hoàn nhập phần giá trị dự phòng tương ứng số tiền đã thu được từ Cuba tại thời điểm 27/06/2017.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	8.281.158.165	-
Công cụ, dụng cụ	102.660.341	-	102.660.341	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.244.561.064	-	15.236.763.445	-
Thành phẩm	774.349.652	-	774.349.652	-
Hàng hóa	239.799.815	-	998.800.135	-
Cộng	**46.361.370.872**	**-**	**25.393.731.738**	**-**

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***1.133.007.903***	***662.025.481***
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.519.337	380.311.052
Chi phí sửa chữa văn phòng	30.587.677	65.973.417
Các khoản khác	1.033.900.889	215.741.012
b) Dài hạn	***19.625.681.408***	***7.530.610.330***
Chi phí sửa chữa văn phòng	872.825.834	587.108.754
Chi phí hệ thống thoát nước thải tại KCN SĐB	5.314.728.534	6.830.688.175
Lợi thế kinh doanh (i)	11.691.717.055	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.357.848.382	112.813.401
Các khoản khác	388.561.603	-

Ghi chú: (i) Lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.605.977.389	20.578.951.640	11.049.985.005	20.134.944.024
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.179.145.484	2.083.186.530	95.958.954
Các loại thuế khác	11.833.623.645	527.715.413	12.095.016.193	266.322.865
Cộng	**22.439.601.034**	**23.285.812.537**	**25.228.187.728**	**20.497.225.843**
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.170.487.547	1.170.487.547	-
Thuế thu nhập cá nhân	54.607.392	812.461.313	773.578.650	15.724.729
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	27.420.386	27.420.386	-	-
Cộng	**82.027.778**	**2.010.369.246**	**1.944.066.197**	**15.724.729**

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**66.074.332.581**	**29.238.056.294**	**11.354.207.726**	**862.960.382**	**107.529.556.983**
- Mua trong kỳ	-	74.000.000	-	67.954.545	141.954.545
- Đánh giá lại (i)	60.628.652.057	-	-	-	60.628.652.057
Số dư cuối kỳ	**126.702.984.638**	**29.312.056.294**	**11.354.207.726**	**930.914.927**	**168.300.163.585**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**44.499.860.137**	**28.349.869.552**	**9.571.037.962**	**707.426.053**	**83.128.193.704**
- Khấu hao trong kỳ	1.106.765.395	55.791.856	387.325.013	40.924.840	1.590.807.104
- Đánh giá lại (i)	27.237.873.177	(8.678.950.756)	(2.384.230.891)	(197.200.594)	15.977.490.936
Số dư cuối kỳ	**72.844.498.709**	**19.726.710.652**	**7.574.132.084**	**551.150.299**	**100.696.491.744**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	**21.574.472.444**	**888.186.742**	**1.783.169.764**	**155.534.329**	**24.401.363.279**
Số dư cuối kỳ	**53.858.485.929**	**9.585.345.642**	**3.780.075.642**	**379.764.628**	**67.603.671.841**

Ghi chú: (i) Đánh giá lại tài sản theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa ngày 31/12/2014.

Tại ngày 27/06/2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 51.864.065.322 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 44.927.626.917 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Khu đô thị - Công viên công nghệ phần mềm HN	913.225.123.433	832.925.553.412
Dự án Phạm Hùng	49.717.859.928	49.717.859.928
Dự án Cảng cạn	-	37.851.098.636
Các dự án khác	1.181.885.756	1.929.044.640
Cộng	**964.124.869.117**	**922.423.556.616**

Khi tạm ứng vốn cho nhà thầu thi công, Công ty đã ghi nhận giá trị tạm ứng trên chỉ tiêu chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang mà không ghi nhận trên chỉ tiêu trả trước cho người bán với giá trị 9.106.168.426 đồng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	***88.107.763.061***	***88.107.763.061***	***141.928.820.610***	***141.928.820.610***
CTCP Tin học - Bản đồ Việt Nam	25.709.344.300	25.709.344.300	-	-
Công ty TNHH Giải pháp Việt Bản Đồ	21.700.000.000	21.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Thăng Long	9.781.905.362	9.781.905.362	-	-
Công ty Cổ phần Biển Bạc	8.208.738.290	8.208.738.290	-	-
Công ty CP Sông Đà 2	5.062.182.089	5.062.182.089	5.062.182.089	5.062.182.089
CTCP giải pháp phần mềm Hanel	4.800.000.000	4.800.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
MMD Singapore PTE., LTD	3.484.939.400	3.484.939.400	11.020.107.688	11.020.107.688
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	2.321.200.110	2.321.200.110	113.358.005.004	113.358.005.004
CTCP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Đông Dương	1.721.177.450	1.721.177.450	-	-
Công ty CP Truyền thông Hanel	1.131.903.960	1.131.903.960	1.306.559.730	1.306.559.730
CTCP Sản xuất điện tử CNC Hanel	-	-	3.059.816.000	3.059.816.000
Các đối tượng khác	4.186.372.100	4.186.372.100	6.122.150.099	6.122.150.099
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	***16.465.486.930***	***16.465.486.930***	***120.253.211.204***	***120.253.211.204***
Công ty Cổ phần Biển Bạc	8.208.738.290	8.208.738.290	-	-
CTCP giải pháp phần mềm Hanel	4.800.000.000	4.800.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	2.321.200.110	2.321.200.110	113.358.005.004	113.358.005.004
CTCP Đầu tư và KDTM Hanel	-	-	-	-
Công ty CP Truyền thông Hanel	1.131.903.960	1.131.903.960	1.306.559.730	1.306.559.730
CTCP Sản xuất điện tử CNC Hanel	-	-	3.059.816.000	3.059.816.000
CTCP Dịch vụ KCN Hanel	3.644.570	3.644.570	528.830.470	528.830.470

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội (TELECOM)	10.709.584.135	10.726.528.806
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	15.672.205.200	15.672.205.200
Các đối tượng khác	703.776.258	187.098.917
	27.085.565.593	**26.585.832.923**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn	***13.960.651.008***	***20.608.014.692***
Chi phí lãi vay	10.909.287.195	14.843.253.767
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.400.825.736	-
Chi phí bảo hành	265.000.000	265.000.000
Trích trước chi phí tiền lương (i)	1.043.307.392	1.847.042.780
Chi phí phải trả khác	342.230.685	3.652.718.145
b) Trong đó chi phí phải trả là các bên liên quan	***5.075.014.028***	***6.879.225.069***
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Dehaco	3.004.764.751	5.823.125.837
Lãi vay và tiền thuê kho phải trả Công ty CP SX điện tử công nghệ cao Hanel	1.900.948.577	699.423.632
Chi phí phải trả khác Công ty CP dịch vụ KCN Hanel	169.300.700	356.675.600

Công ty đã trích lập dự phòng 17% quỹ tiền lương thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 là 1.043.307.392 đồng. Ngoài các quy định tại Khoản 1, Điều 10, Thông tư số 127/2011/TT-BTC và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP quy định "doanh nghiệp cổ phần hóa không phải trích lập dự phòng các khoản giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; không phải trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định" thì các quy định hiện hành chưa đề cập đến hướng dẫn xử lý, trích lập quỹ dự phòng tiền lương đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác ngắn hạn	***219.078.915.529***	***166.581.574.206***
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	58.631.539
Kinh phí công đoàn	139.335.441	96.960.548
Bảo hiểm xã hội	60.063.352	-
Bảo hiểm y tế	9.655.150	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.068.658	-
Phải trả về cổ phần hoá (i)	182.529.448.101	87.728.440.000
Nhận ký quỹ, ký cược (ii)	20.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.337.344.827	78.697.542.119
- Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	*-*	*63.979.168.920*
- Công ty TNHH đèn hình Orion-Hanel	*10.407.161.057*	*8.805.687.631*
- Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội (TELECOM)	*5.623.279.200*	*5.623.279.200*
- Các đối tượng khác	*306.904.570*	*289.406.368*
b) Phải trả khác dài hạn	***1.000.000.000***	***1.000.000.000***
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000
c) Trong đó phải trả khác là các bên liên quan	***1.000.000.000***	***64.979.168.920***
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	-	63.979.168.920

19. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Khoản phải trả về cổ phần hóa bao gồm:
- Khoản đặt cọc mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược - Công ty Sebrina Holdings Ltd số tiền 48.150.000.000 đồng. Theo Công văn số 2399/STC-TCDN ngày 21/04/2017 của Sở Tài chính, khoản này sẽ thực hiện xử lý sau khi có ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tiền thu từ bán cổ phần còn lại: 863.659.648 đồng;
- Số tiền còn lại nộp ngân sách Nhà nước: 133.515.788.453 đồng.

(ii) Khoản đặt cọc của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ theo Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT/HANEL-TLH ngày 29/05/2017 ký giữa Công ty và Công ty ty TNHH Tháp Láng Hạ về việc "tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội để thực hiện dự án điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội". Theo thỏa thuận thì Công ty TNHH Tháp Láng Hạ sẽ thanh toán 40 tỷ đồng cho Công ty, trong đó đặt cọc trước 20 tỷ đồng, thanh toán cho Công ty 20 tỷ đồng còn lại sau khi có văn bản phê duyệt/ chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội. Trong trường hợp đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn không được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận hoặc đề án được phê duyệt nhưng tỷ lệ của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ thấp hơn 75%, Công ty sẽ phải hoàn trả lại 20 tỷ đồng đặt cọc.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	**9.106.802.515**	**9.106.802.515**	**34.482.180.998**	**104.754.314.933**	**79.378.936.450**	**71.022.690.326**
Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng - Sở giao dịch	9.106.802.515	9.106.802.515	26.606.802.515	47.479.118.611	29.979.118.611	29.979.118.611
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	7.875.378.483	28.096.432.048	20.221.053.565	20.221.053.565
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam-CN Hà Nội	-	-	-	20.822.518.150	20.822.518.150	20.822.518.150
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	8.356.246.124	8.356.246.124	-
Vay ngắn hạn từ các doanh nghiệp khác	**319.437.974.400**	**319.437.974.400**	**214.061.534.389**	**5.500.000.000**	**110.876.440.011**	**110.876.440.011**
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (i)	198.979.168.920	198.979.168.920	198.979.168.920	-	-	-
Công ty TNHH DEHACO (ii)	101.284.205.154	101.284.205.154	5.823.125.837	-	95.461.079.317	95.461.079.317
Công ty CP Sản xuất điện tử công nghệ cao Hanel	18.574.600.326	18.574.600.326	9.259.239.632	5.500.000.000	14.815.360.694	14.815.360.694
Công ty cổ phần dịch vụ điện tử Hanel	600.000.000	600.000.000	-	-	600.000.000	600.000.000
Tổng vay và nợ ngắn hạn	**328.544.776.915**	**328.544.776.915**	**248.543.715.387**	**110.254.314.933**	**190.255.376.461**	**181.899.130.337**
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	103.047.123.468	103.047.123.468	17.276.508.500	17.720.369.149	103.490.984.117	103.490.984.117
Ngân hàng Phát triển Việt nam- SGD I	21.812.364.928	21.812.364.928	-	137.099.491.004	158.911.855.932	158.911.855.932
Tổng vay và nợ dài hạn	**124.859.488.396**	**124.859.488.396**	**17.276.508.500**	**154.819.860.153**	**262.402.840.049**	**262.402.840.049**

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và các cá nhân khác theo các hợp đồng vay, khế ước nhận nợ ngắn hạn từng lần để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Vay dài hạn là các khoản vay có kỳ hạn trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng cho các dự án đầu tư, kinh doanh dài hạn của Công ty theo các hợp đồng vay vốn trung và dài hạn.

(i) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn theo hợp đồng số 03/HĐ/ĐTTB ngày 12/06/2017 để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay 0%/năm.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Công ty TNHH Dehaco theo 03 hợp đồng vay vốn:
- Phụ lục hợp đồng số 111-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 03/01/2017 (Phụ lục 04) để triển khai các dự án trọng điểm, lãi suất 6%/năm, số tiền 40.986.453.369 đồng;
- Phụ lục hợp đồng số 1012-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 03/1/2017 (Phụ lục 04) để triển khai các dự án trọng điểm, lãi suất 6%/năm, số tiền 5.091.937.939 đồng;
- Phụ lục hợp đồng số 1006-2015/PLHĐ-HANEL/KT ngày 03/1/2017 (Phụ lục 02) để triển khai các dự án trọng điểm, lãi suất 6%/năm, số tiền 55.205.813.846 đồng.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định các khoản nợ dài hạn đến hạn trả, các khoản nợ được thanh toán theo thực tế thu tiền gốc của ngân hàng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp từng lần.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn là khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31/12/2008 theo quy định hiện hành.

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh tiền thu trước từ hoạt động cho thuê đất, mặt bằng tại Khu Công nghiệp Sài Đồng - Long Biên.

23. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ở thời điểm cuối năm tài chính.

	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**45.441.138.554**	**45.441.138.554**
Chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào lỗ trong năm	(17.395.056.697)	(17.395.056.697)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	905.355.031	905.355.031
Hoàn nhận thuế hoãn do thay đổi thuế suất	(8.262.860.827)	(8.262.860.827)
Số dư đầu năm nay	**20.688.576.061**	**20.688.576.061**
Chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào lỗ trong kỳ	(7.580.600.232)	(7.580.600.232)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(31.809.396)	(31.809.396)
Số dư cuối kỳ này	**13.076.166.433**	**13.076.166.433**

Chi tiết thuế hoãn lại phải trả:

	Lãi/(lỗ) CLTG chưa thực hiện	Thuế TNDN hoãn lại
	VND	VND
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2008	11.883.982.421	2.376.796.484
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2009	16.162.263.878	3.232.452.776
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2010	16.614.941.394	3.322.988.279
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2011	31.788.021.072	6.357.604.214
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2012	(418.468.548)	(83.693.710)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2013	4.610.604.321	922.120.864
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2014	167.658.925	33.531.785
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2015	18.107.101.691	3.621.420.338
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2016	4.526.775.155	905.355.031
Tại thời điểm đánh giá 27/06/2017	(159.046.980)	(31.809.396)
Cộng	**103.283.833.329**	**20.656.766.665**
Hoàn nhập thuế hoãn lại phải trả của gốc ngoại tệ đã đánh giá chênh lệch tỷ giá sau:		
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2008	(4.269.014.790)	(853.802.958)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2009	(5.938.596.005)	(1.187.719.201)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2010	(6.104.925.975)	(1.220.985.195)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2011	(11.680.060.195)	(2.336.012.039)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2012	161.799.670	32.359.934
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2013	(1.694.101.560)	(338.820.312)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2014	(61.603.750)	(12.320.750)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2015	(6.653.198.845)	(1.330.639.769)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2016	(1.663.299.710)	(332.659.942)
Cộng	**(37.903.001.160)**	**(7.580.600.232)**
Thuế hoãn lại phải trả tại 27/06/2017		**13.076.166.433**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**1.426.798.081.918**	**493.948.786**	**-**	**99.634.799.037**	**1.526.926.829.741**
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	41.940.942.101	41.940.942.101
Phải nộp Ngân sách	-	-	-	(11.589.115.521)	(11.589.115.521)
Phân phối lợi nhuận	-	6.210.582.084	-	(9.112.824.760)	(2.902.242.676)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	8.262.860.827	8.262.860.827
Số dư đầu năm nay	**1.426.798.081.918**	**6.704.530.870**	**-**	**129.136.661.684**	**1.562.639.274.472**
Tăng vốn trong kỳ	379.700.402.018	-	44.651.161.121	-	424.351.563.139
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	129.884.979.199	129.884.979.199
Phân phối lợi nhuận (i)	-	36.681.770.871	-	(38.121.305.485)	(1.439.534.614)
Kết chuyển tăng vốn Nhà nước	253.017.304.517	(43.386.301.741)	(44.651.161.121)	(164.979.841.655)	-
Phải nộp Ngân sách	(133.515.788.453)	-	-	-	(133.515.788.453)
Số dư cuối kỳ này (ii)	**1.926.000.000.000**	**-**	**-**	**55.920.493.743**	**1.981.920.493.743**

Ghi chú:

(i) Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo quy định tại Thông tư số 219/2015/TT-BTC và Thông tư số 127/2014/TT-BTC mà chưa có quyết định phê duyệt của chủ sở hữu.

(ii) Khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại tại ngày 27/06/2017 số tiền 55.920.493.743 đồng là khoản lợi nhuận sau thuế tương ứng phần lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản phải thu dài hạn Cuba, không kết chuyển nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 04 ngày 27/06/2017, vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 đồng. Tại ngày 27/06/2017, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.886.144.000.000	1.426.798.081.918
Các cổ đông khác	39.856.000.000	-
Cộng	**1.926.000.000.000**	**1.426.798.081.918**

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Ngoại tệ		
- USD	201.758,84	1.505.747,87
- EUR	3.836,73	1.825.949,25
- SGD	0,22	0,22
2. Nợ khó đòi đã xử lý	2.378.091.605	2.378.091.605

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này
	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
- Doanh thu dự án	138.803.710.000
- Doanh thu bán hàng hoá	56.502.054.715
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.886.856.280
	210.192.620.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	
- Giảm giá hàng bán	67.874.791
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**210.124.746.204**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này
	VND
Giá vốn dự án	133.397.902.000
Giá vốn cung cấp hàng hoá	53.452.692.738
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.475.466.752
	193.326.061.490

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi phải thu Cuba	52.054.780.917
Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.435.776.495
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.365.202.363
Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư (i)	65.901.766.405
Doanh thu hoạt động tài chính khác	302.953.819
Cộng	**170.060.479.999**

Ghi chú: (i) Lãi do đánh giá lại các khoản đầu tư góp vốn tại doanh nghiệp khác như trình bày tại Thuyết minh số 5.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này
	VND
Lãi tiền vay	45.925.807.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.826.063.150
Lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư (i)	33.845.731.924
Chi phí tài chính khác	21.088
Cộng	**83.597.623.238**

Ghi chú: (i) Lãi do đánh giá lại các khoản đầu tư góp vốn tại doanh nghiệp khác như trình bày tại Thuyết minh số 5.

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này
	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.782.073
Các khoản chi phí bán hàng khác	241.905.536
Cộng	**547.687.609**
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	
Chi phí nhân viên	7.492.740.455
Chi phí vật liệu quản lý	385.483.428
Chi phí đồ dùng văn phòng	472.831.123
Chi phí khấu hao TSCĐ	575.833.472
Thuế, phí và lệ phí	78.687.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.777.228.088
Chi phí dự phòng tiền lương	1.043.307.392
Các khoản chi phí QLDN khác	4.254.515.923
Cộng	**20.080.627.427**
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(56.260.534.302)
Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương	(1.847.042.780)
Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp	**(38.026.949.655)**

31. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này
	VND
Dự án Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội (i)	40.911.249.042
Lãi phạt chậm trả	20.265.282
Thu nhập khác	79.431.929
Cộng	**41.010.946.253**

Ghi chú: (i) Thu nhập phát sinh từ việc chuyển nhượng Dự án điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội cho Công ty TNHH ICD Hà Nội theo Biên bản thỏa thuận này 30/03/2016, Biên bản bàn giao hồ sơ pháp lý dự án và Bàn giao tổng thể dự án ngày 09/06/2017. Chi phí chuyển nhượng là 38.554.618.280 đồng (xem Thuyết minh số 32).

32. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này
	VND
Chi phí từ dự án Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội	38.554.618.280
Chi phí khác	345.610.283
Cộng	**38.900.228.563**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này
	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	**142.851.521.211**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**(39.956.763.013)**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	**40.302.368.727**
- Cổ tức, Lợi nhuận được chia	*46.435.776.495*
- Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (i)	*(38.189.442.249)*
- Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư	*32.056.034.481*
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	**345.605.714**
- Các khoản chi phí khác	*345.605.714*
Thu nhập chịu thuế	**102.894.758.198**
Thuế suất thông thường	20%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**20.578.951.640**
Thuế thu nhập hoãn lại	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**20.578.951.640**

Ghi chú: (i) Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước do đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng (xem Thuyết minh số 23) của khoản phải thu dài hạn từ Groupo De La Electronica Cộng hòa Cuba đã thu được trong kỳ.

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Kỳ này
	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	(31.809.396)
Hoàn nhập thuế hoãn lại phải trả	(7.580.600.232)
Cộng	**(7.612.409.628)**

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	453.404.265.311	452.658.216.510
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(117.792.360.456)	(223.374.886.056)
Nợ thuần	335.611.904.855	229.283.330.454
Vốn chủ sở hữu	1.981.920.493.743	1.562.647.749.803
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,17**	**0,15**

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.792.360.456	223.374.886.056
Phải thu khách hàng và phải thu khác	292.697.186.203	251.553.112.297
Phải thu cho vay	3.135.000.000	83.553.750.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	207.561.426.282	198.797.952.210
Đầu tư tài chính dài hạn	45.001.225.440	29.725.424.384
Tổng cộng	**666.187.198.381**	**787.005.124.947**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	453.404.265.311	452.658.216.510
Phải trả người bán và phải trả khác	125.657.230.489	221.723.323.277
Chi phí phải trả	13.960.651.008	20.608.014.692
Tổng cộng	**593.022.146.808**	**694.989.554.479**

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.792.360.456	-	117.792.360.456
Phải thu khách hàng và phải thu khác	291.697.186.203	1.000.000.000	292.697.186.203
Phải thu cho vay	3.135.000.000	-	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	207.561.426.282	-	207.561.426.282
Đầu tư tài chính dài hạn	-	45.001.225.440	45.001.225.440
Tổng cộng	**620.185.972.941**	**46.001.225.440**	**666.187.198.381**
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	328.544.776.915	124.859.488.396	453.404.265.311
Phải trả người bán và phải trả khác	124.657.230.489	1.000.000.000	125.657.230.489
Chi phí phải trả	13.960.651.008	-	13.960.651.008
Tổng cộng	**467.162.658.412**	**125.859.488.396**	**593.022.146.808**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**153.023.314.529**	**(79.858.262.956)**	**73.165.051.573**

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.374.886.056	-	223.374.886.056
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.690.974.156	84.862.138.141	251.553.112.297
Phải thu cho vay	83.553.750.000	-	83.553.750.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	198.797.952.210	-	198.797.952.210
Đầu tư tài chính dài hạn	-	29.725.424.384	29.725.424.384
Tổng cộng	**672.417.562.422**	**114.587.562.525**	**787.005.124.947**
Số đầu năm			
Các khoản vay	190.255.376.461	262.402.840.049	452.658.216.510
Phải trả người bán và phải trả khác	220.723.323.277	1.000.000.000	221.723.323.277
Chi phí phải trả	20.608.014.692	-	20.608.014.692
Tổng cộng	**431.586.714.430**	**263.402.840.049**	**694.989.554.479**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**240.830.847.992**	**(148.815.277.524)**	**92.015.570.468**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày tại Thuyết minh số 5;
- Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Ngoài các thông tin đã được trình bày tại các thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 16 và 19. Trong kỳ, Công ty còn giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Kỳ này
	VND
Thu nhập của Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc	1.024.037.789
	1.024.037.789

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ đi vay trong kỳ không bao gồm:

(i) Giá trị khoản vay của Công ty cổ phần Đầu tư Thạch Bàn với số tiền 63.979.168.920 đồng, tương ứng giá trị đã trình bày trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả (mã số 11);

(ii) Giá trị lãi vay phải trả cho Công ty TNHH Dehaco đang nhập gốc với số tiền 6.522.549.469 đồng, tương ứng giá trị đã trình bày trên chỉ tiêu chi phí lãi vay;

(iii) Giá trị khoản nợ phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất điện tử công nghệ cao Hanel đã chuyển thành khoản vay với số tiền 3.059.816.000 đồng, tương ứng giá trị đã trình bày trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả.

38. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 93/QĐ-HANEL ngày 26/06/2017, Công ty đã trích dự phòng trợ cấp thôi việc với giá trị 1,76 tỷ đồng.

Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc thuê lại quyền sử dụng đất số 31-05/HĐ-ĐC ngày 31/05/2017 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G quyền sử dụng 30.000 m2 đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại lô đất CN02, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Tổng số tiền thuê đất (đã bao gồm thuế GTGT) là 86.757.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017, hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất chưa ký giữa hai bên.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/06/2017, do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh tương ứng của kỳ trước.

Trần Thu Loan	**Lữ Thị Khánh Trân**	**Nguyễn Quốc Bình**
Người lập biểu	**Phó Phòng Kế toán - Tài vụ**	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017